TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2019/QĐST- HNGĐ	*C, ngày 30 tháng 01 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **05/2019/TLST- HNGĐ** ngày 07 tháng 01 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Bà Đàm Thị L –** Sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 013, tổ 06, phường T, thành phố C, tỉnh C.

- *Bị đơn:* **Ông Ma Quảng C** – Sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 013, tổ 06, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà **Đàm Thị L –** Sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 013, tổ 06, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Ông **Ma Quảng C** – Sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 013, tổ 06, phường T, thành phố C, tỉnh C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đàm Thị L và anh Ma Quảng C.

- Về việc nuôi con chung: Hai bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đàm Thị L và anh Ma Quảng C mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn. Nhưng chị L đã tự nguyện chịu thay tiền án phí cho anh C. Tổng số tiền án phí chị L phải chịu là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0000317 ngày 07/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố C. Xác nhận chị L đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm và còn được hoàn lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường T, thành phố C;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương